

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **537/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 13/08/2024
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Khuất Thị Phương Lan**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**
Ông Nguyễn Danh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2024 về việc “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Phạm Xuân L**, sinh năm 1983
Hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 80 L, phường P, Quận H, Thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- **Bị đơn:** Chị **Triệu Ngọc D**, sinh năm: 1983
Hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 80 L, phường P, Quận H, Thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại: Tổ 3, phân trại 3, Trại giam Thanh Xuân
(Xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 03 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phạm Xuân L trình bày:

Anh Phạm Xuân L kết hôn với chị Triệu Ngọc D trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội vào ngày 24/05/2016. Đây là kết hôn lần thứ 2 của anh chị vì trước đó anh chị đã kết hôn và đã ly hôn vào năm 2011, sau đó lại

đăng ký kết hôn lại. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 80 Lê Văn Hưu, phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn và không được hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên to tiếng khiến cuộc sống mệt mỏi. Bản thân chị D vào năm 2018 vi phạm pháp luật nên đã bị bắt và Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 20 năm tù và phải đi chấp hành án nên tình cảm vợ chồng càng đi xuống và mâu thuẫn vợ chồng càng không thể khắc phục được. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không có cơ hội đoàn tụ nên xin được ly hôn chị Triệu Ngọc D để ổn định cuộc sống nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Vân Phụng, sinh ngày 24/06/2003 và Phạm Minh Triệu, sinh ngày 21/03/2005. Ly hôn hiện các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nhà đất ở chung và công nợ chung: Anh L xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Bị đơn chị Triệu Ngọc D trình bày:

Chị D xác nhận chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội vào ngày 24/05/2016. Đây là kết hôn lần thứ 2 của anh chị vì trước đó anh chị đã từng kết hôn, ly hôn và đăng ký lại. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 80 Lê Văn Hưu, phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn đến năm 2018 chị bị bắt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và phải đi chấp hành hành án tại trại giam Thanh Xuân với mức án 20 năm tù.

Nay Anh L xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài nên chị đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Chị xác nhận chị và anh L có 02 con chung là Phạm Vân Phụng, sinh ngày 24/06/2003 và Phạm Minh Triệu, sinh ngày 21/03/2005. Ly hôn hiện các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung nhà đất ở và nợ chung: Chị xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh Phạm Xuân L vẫn giữ nguyên vọng xin ly hôn chị Triệu Ngọc D. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ lâu không có cơ hội đoàn tụ. Anh xin ly

hôn chị Triệu Ngọc D đề sớm được ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung và về công nợ chung, anh vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Xuân L. Về con chung: xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Vân Phụng, sinh ngày 24/06/2003 và Phạm Minh Triệu, sinh ngày 21/03/2005. Ly hôn, các con đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ: Anh L, chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí, anh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Phạm Xuân L có đơn xin ly hôn đối với chị Triệu Ngọc D. Chị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 80 Lê Văn Hữu, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Sau khi thụ lý vụ án, do chị D đang phải đi chấp hành án tại Phân trại số 3, trại giam Thanh Xuân. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như lấy lời khai của chị D. Chị D đã có bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D

là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân L và chị Triệu Ngọc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/05/2016 tại UBND phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh L trình bày quá trình sau khi kết hôn lần thứ nhất không được hạnh phúc đã ly hôn vào năm 2011 và sau đó đăng ký kết hôn lại vào năm 2016. Vợ chồng anh chung sống luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm lối sống, tính cách không hợp nhau, hai vợ chồng không có tiếng nói chung khiến cuộc sống không có hạnh phúc và đến năm 2018 chị D bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 20 năm tù phải đi chấp hành tù thời điểm cho đến nay. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã cố gắng nói chuyện với nhau, gia đình hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn vợ chồng lại càng trầm trọng hơn và từ thời điểm chị D đi chấp hành án nên tình cảm vợ chồng càng không có cơ hội đoàn tụ.

Chị D xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc đến năm 2018 chị phải đi chấp hành án, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng nên đồng ý ly hôn.

Tòa án cũng xác minh lấy ý kiến của anh Phạm Minh Triệu là con đẻ của anh L, chị D, anh Triệu có ý kiến như sau: Anh sinh sống cùng gia đình bố mẹ tại số 80 Lê Văn Hưu, phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Khi anh còn nhỏ khoảng 10 năm trước, anh thấy cuộc sống vợ chồng của bố mẹ anh cũng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn, có nhiều lần cãi nhau không ai nhường ai và cũng nhiều lần nói chuyện với anh về việc bố mẹ sẽ làm thủ tục ly hôn. Việc này khiến cuộc sống của chị em anh rất buồn và cuộc sống cứ như vậy trôi đi thành quen. Trong quá trình chung sống thỉnh thoảng anh thấy mẹ anh đi đâu đó không về nhà. Đến năm 2018 thì bị bắt và phải đi thi hành án cho đến nay. Sau khi mẹ anh bị bắt thì anh chung sống với bố và thỉnh thoảng có vào thăm mẹ và cũng được biết bố mẹ anh đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa. Theo anh đây là việc của bố mẹ anh, anh tôn trọng mọi quyết định của bố mẹ anh và để giải quyết thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định và không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử xét thấy thực tế mâu thuẫn giữa anh L và chị D đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh chị cũng thống nhất xác nhận

không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L, cho anh L được ly hôn chị Triệu Ngọc D.

Về con chung: Anh L, chị D xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Vân Phụng, sinh ngày 24/06/2003 và Phạm Minh Triệu, sinh ngày 21/03/2005. Các con đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh L, chị D xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ chung: Anh L, chị D xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Anh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Xuân L đối với chị Triệu Ngọc D. Anh Phạm Xuân L được ly hôn với chị Triệu Ngọc D.

[2]. Về con chung: Anh Phạm Xuân L và chị Triệu Ngọc D có 02 con chung là Phạm Vân Phụng, sinh ngày 24/06/2003 và Phạm Minh Triệu, sinh ngày 21/03/2005. Ly hôn, hiện các con đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Anh L, chị D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về công nợ chung: Anh L, chị D xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Phạm Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003489 ngày 02/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh L, vắng mặt chị D. Anh L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt Bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hai Bà Trưng
- VKSND T.P Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng
- UBND phường Ngô Thị Nhậm, Q. Hai Bà Trưng
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Khuất Thị Phương Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Danh Hải Nguyễn Thị Xuân Phương

Khuất Thị Phương Lan

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hai Bà Trưng
- VKSND T.P Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng
- UBND phường Ngô Thị Nhậm, Q. Hai Bà Trưng
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Khuất Thị Phương Lan